

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC
NGÀNH: CAO ĐẲNG DƯỢC
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDKT ngày tháng
năm.....của Trường Cao đẳng Y tế Sơn La)*

Sơn La, năm 2021

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện một số điều theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 11/3/2017 của Bộ lao động, Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp trình độ cao đẳng, Trường Cao đẳng Y tế Sơn La đã tổ chức biên soạn tài liệu dạy/học một số môn cơ sở và chuyên ngành theo chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nhằm từng bước xây dựng bộ tài liệu chuẩn trong công tác đào tạo.

Với thời lượng học tập 30 giờ (28 giờ lý thuyết; 0 giờ thực hành; thí nghiệm, thảo luận, bài tập; 2 giờ kiểm tra).

Môn Đạo đức hành nghề dược là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo hệ cao đẳng chính quy đối với sinh viên ngành dược. Môn học cung cấp các kiến thức về đạo đức trong hành nghề dược cho người học.

Bộ môn Dược – Trường cao đẳng Y tế Sơn La đã biên soạn giáo trình môn học Đạo đức hành nghề dược cho sinh viên ngành dược trình độ cao đẳng với mục đích giúp cho sinh viên có tài liệu học tập tốt nhất, cập nhật nhất.

Nội dung cuốn giáo trình Đạo đức hành nghề dược bao gồm kiến thức cơ bản về Đạo đức hành nghề dược, đạo đức kinh doanh thuốc và đạo đức nghiên cứu y sinh học.

Mục tiêu của Bộ môn dược là xây dựng cho người dược sỹ tuân thủ theo những nguyên tắc và chuẩn mực về đạo đức khi hành nghề trong lĩnh vực dược. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

Nội dung của giáo trình bao gồm các bài sau:

Bài 1: Đạo đức hành nghề y dược

Bài 2: Đạo đức trong kinh doanh thuốc

Bài 3: Đạo đức trong nghiên cứu y sinh

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi kính mong nhận ý kiến đóng góp của các cán bộ giảng dạy, sinh viên và đồng nghiệp để có những điều chỉnh, bổ sung, cập nhật cho phù hợp với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật ngành Y, Dược.

Trân trọng cảm ơn./.

Sơn La, ngày tháng năm 2021

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: DS ĐH Lưu Thị Nga
2. Thành viên: Ths Đồng Văn Thành
3. Thành viên: DSDH Tòng Văn Tâm

MỤC LỤC

Bài 1: ĐẠO ĐỨC TRONG HÀNH NGHỀ Y-DƯỢC	12
Bài 2. ĐẠO ĐỨC TRONG KINH DOANH THUỐC	25
Bài 3. ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU Y SINH HỌC	34

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Đạo đức hành nghề dược

2. Mã môn học: 420133

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (lý thuyết: 28 giờ, Thực hành, thảo luận, bài tập: 0 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

3. Vị trí, tính chất của môn học:

3.1. Vị trí: Môn đạo đức hành nghề dược nằm trong khối kiến thức tự chọn ngành.

3.2. Tính chất: Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược; đạo đức trong sản xuất thuốc; đạo đức trong kinh doanh thuốc; đạo đức trong tư vấn sử dụng thuốc; đạo đức trong nghiên cứu y sinh học: (1) có bộ giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của trường; (2) dễ dàng tiếp thu cũng như vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học vào môi trường học tập và thực tế nghề nghiệp.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học: Môn Đạo đức hành nghề dược là học phần tự chọn trong kiến thức ngành Dược. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược; đạo đức trong sản xuất thuốc; đạo đức trong kinh doanh thuốc; đạo đức trong tư vấn sử dụng thuốc; đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

4. Mục tiêu môn học:

4.1. Về kiến thức:

A1. Trình bày được các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược.

A2. Trình bày được các nguyên tắc đạo đức trong sản xuất và kinh doanh thuốc.

A3. Trình bày được các nguyên tắc đạo đức trong tư vấn sử dụng thuốc và trong nghiên cứu y sinh học.

4.2. Về kỹ năng:

B1. Thực hiện đúng các nguyên tắc đạo đức trong sản xuất thuốc và kinh doanh thuốc khi hành nghề dược.

B2. Thực hiện đúng các nguyên tắc đạo đức trong tư vấn sử dụng thuốc, nghiên cứu y sinh khi hành nghề dược..

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

C1. Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu về đạo đức hành nghề dược.

C2. Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong đạo đức hành nghề dược.

5. Nội dung môn học

5.1. Chương trình khung

Mã MH	Tên môn học,	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	22	435	156	256	23
420101	Chính trị	4	75	41	29	5
420102	Tiếng anh	6	120	42	72	6
420103	Tin học	3	75	15	58	2
420104	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
420105	Giáo dục quốc phòng - an ninh	5	75	36	35	4
420106	Pháp luật	2	30	18	10	2
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	101	2370	796	1453	121
II.1	Môn học cơ sở	24	495	199	269	27
420107	Sinh học	2	45	14	29	2
420108	Xác suất thống kê	2	45	14	29	2
420109	Giải phẫu – Sinh lý	4	75	43	26	6
420110	Hóa sinh	2	30	28	0	2
420111	Hóa đại cương vô cơ	4	90	23	63	4
420112	Hóa hữu cơ	3	60	20	36	4
420113	Vi sinh – Ký sinh trùng	3	60	29	28	3

420114	Hóa phân tích	4	90	28	58	4
II.2	Môn học chuyên môn, ngành nghề	59	1500	441	992	67
420115	Pháp chế Dược	2	30	29	0	1
420116	Thực vật dược	4	75	43	28	4
420117	Bào chế	5	105	43	58	4
420118	Hóa dược	5	105	43	58	4
420119	Dược liệu	5	105	43	58	4
420120	Kiểm nghiệm	5	105	43	58	4
420121	Dược lý I	2	30	28	0	2
420122	Dược lý II	5	105	43	58	4
420123	Tổ chức quản lý dược	3	60	29	26	5
420124	Quản lý tồn trữ thuốc	2	30	28	0	2
420125	Dược học cổ truyền	4	90	28	58	4
420126	Dược lâm sàng	6	180	43	130	7
420127	Thực hành nghề nghiệp 1	5	225		217	8
420128	Thực hành nghề nghiệp 2	5	225		217	8
II.3	Môn học tự chọn	18	375	156	192	27
	Nhóm 1	18	375	156	192	27
420129	Bệnh học	4	75	43	28	4
420130	Anh văn chuyên ngành	2	45	15	28	2
420131	Marketing Dược	2	45	14	26	5
420132	Kinh tế dược	2	45	15	29	1

420133	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	4	90	28	58	4
420134	Quản trị kinh doanh dược	2	45	15	29	1
420135	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	30	28	0	2
	Nhóm 2	18	375	156	192	27
420129	Bệnh học	4	75	43	28	4
420130	Anh văn chuyên ngành	2	45	15	28	2
420131	Đạo đức hành nghề Dược	2	30	28	0	2
420132	Một số dạng bào chế đặc biệt	2	45	14	26	5
420133	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	4	90	28	55	7
420134	Thực hành Dược khoa	2	60	0	55	5
420135	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	30	28	0	2
Tổng cộng chung		123	2805	952	1709	144

5.2. Chương trình chi tiết môn học

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Thực hành, thí nghiệm,	Kiểm tra
1	Bài 1: Đạo đức trong hành nghề Dược	12	11			1

2	Bài 2: Đạo đức trong kinh doanh thuốc	9	9			
3	Bài 3: Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học	9	8			1
Tổng		30	28			2

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Máy vi tính, máy chiếu projector, phấn, bảng.

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình

6.4. Các điều kiện khác: mạng Internet.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Sơn La như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/	A1, A2, A3 B1, B2, C1, C2	1	Sau 12 giờ. (sau khi học xong bài 1)
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/	A1, A2, A3 B1, B2,	1	Sau 21 giờ (sau khi học xong bài 2)
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận cải tiến	A1, A2, A3 B1, B2, C1, C2	1	Sau 30 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Môn học được áp dụng cho đối tượng sinh viên Cao đẳng Dược hệ chính quy học tập tại Trường CDYT Sơn La.

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

+ Lý thuyết: Thuyết trình, động não, thảo luận nhóm, làm việc nhóm, giải quyết tình huống.

+ Thực hành, bài tập: Thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, đóng vai.

+ **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

[1] **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2018)**, Thông tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội.

[2] **Bộ Y tế (2013)**, *Hướng dẫn quốc gia về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học*.

[3] Thông tư 08/2021/TT-BYT ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Bài 1: ĐẠO ĐỨC TRONG HÀNH NGHỀ Y-DƯỢC

❖ GIỚI THIỆU BÀI 1

Bài 1 là nội dung kiến thức về nguyên tắc và tiêu chuẩn đạo đức trong hành nghề Y – Dược.

❖ MỤC TIÊU BÀI 1

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

➤ Về kiến thức:

- Trình bày được lịch sử đạo đức, khái niệm và các phạm trù đạo đức.
- Trình bày được 12 điều y đức và 10 điều hành nghề dược.

➤ Về kỹ năng:

- Vận dụng được nguyên tắc đạo đức trong hành nghề dược.
- Vận dụng đúng 12 điều y đức.

➤ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động thực hiện được việc tự học, nghiên cứu về Đạo đức hành nghề dược.
- Chủ động vận dụng nguyên tắc đạo đức và 12 điều y đức trong quá trình hành nghề.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 1

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 1 (cá nhân hoặc nhóm).*

- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (Bài 1) trước buổi học;*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Phòng học lý thuyết
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 1

- Nội dung:

- ✓ **Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- ✓ **Kỹ năng:** Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- ✓ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Trong quá trình học tập, người học cần:

- + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
- + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
- + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
- + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*
- **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**
 - ✓ ***Điểm kiểm tra thường xuyên:*** 01 bài (hình thức viết)
 - ✓ ***Kiểm tra định kỳ lý thuyết:*** không có

NỘI DUNG BÀI 1

1. Khái quát lịch sử về đạo đức Y học

Đạo đức y học đã có lịch sử khoảng 2500 năm trong nghề Y, tính từ thời Hippocrate. Theo dòng phát triển của lịch sử y học, khái niệm Đạo đức y học dần được hoàn thiện và ngày càng được đánh giá cao. Các Tổ chức Y tế quốc tế và tại các quốc gia lần lượt phê chuẩn và công bố các quy định về đạo đức trong thực hành y học và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Nhưng trước khi có những quy định này, trong những thập kỷ 20 - 40 của thế kỷ XX đã có những cuộc thử nghiệm, nghiên cứu liên quan đến vấn đề đạo đức y học.

* Nghiên cứu Tuskegee: Năm 1928, người ta phát hiện thấy khoảng 25% trong số hơn 2000 người Mỹ gốc Phi ở Nam Mỹ bị bệnh giang mai. Một nhóm nghiên cứu của Mỹ đã thực hiện nghiên cứu về ảnh hưởng của bệnh giang mai không được điều trị đến đời sống của bệnh nhân.

Các đối tượng tham gia nghiên cứu không được thông báo về việc họ đã bị giang mai và cũng không được điều trị bệnh này. Nghiên cứu này bị phát hiện và đưa lên báo chí vào năm 1972.

Nghiên cứu Tuskegee bị đánh giá là “một trong những ví dụ khủng khiếp nhất về NC mà không hề có sự quan tâm đến các nguyên lý về đạo đức y học”. (Nguồn: Tuskegee University 2009)

Auschwitz của * Josef Mengele (1911 – 1979) là bác sĩ tại trại tập trung phát xít Đức từ năm 1943. Josef Mengele có biệt danh là “Thiên thần báo tử”, chuyên thực hiện những cuộc thí nghiệm trên tù nhân, đặc biệt là những cặp sinh đôi.

Mengele đã tiêm hóa chất vào máu của các trẻ em xem có làm thay đổi màu mắt không; tiêm thử nghiệm tác dụng của các loại thuốc mới; làm đông lạnh người tù cho đến chết; tạo ra các thương tổn khác nhau; ghép xương, ghép chỉ.

Nhiều cặp trẻ sinh đôi đã bị Mengele cắt và ghép tay để tạo ra những cặp sinh đôi dính nhau. Mengele thực hiện cả các thử nghiệm thuộc về thể chất lẫn tâm lý, những phẫu thuật thử nghiệm được thực hiện hoàn toàn không có gây mê.

Mengele đã thực hiện thí nghiệm trên khoảng 3000 cặp sinh đôi tại trại Auschwitz trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Chỉ một vài cặp sinh đôi trong số 3000 cặp còn sống sót và sau 50 năm họ đã kể lại câu chuyện của mình.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các bác sĩ phát xít Đức tham gia những thử nghiệm này đã bị bắt và bị kết án là tội phạm quốc tế. Tòa án quốc tế về tội phạm chiến tranh đã tuyên bố rằng việc vi phạm đến con người đã quá trầm trọng đến mức không có một kết quả tuyệt vời từ những thử nghiệm đó có thể biện minh cho cách mà họ đã làm.

(Nguồn: <http://www.Auschwitz.dk/mengele.htm>)

Thảm họa Thalidomide 1962:

Thalidomide: T an thần, giảm đau rất hiệu nghiệm đưa ra thị trường 1950 10.000 trẻ em trên 46 nước bị dị tật bẩm sinh quái thai do Thalidomide có 2 đồng phân quang học

Bác sĩ sản khoa William McBride(Úc) và BS nhi khoa Widukind Lenz(Đức) phát hiện liên quan thuốc-dị tật - FDA(Mỹ) từ chối cấp phép lưu hành.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, tại các cuộc họp của nhiều Tổ chức quốc tế về y học và ngoài y học, đại diện của các nước thông nhất cần phải có những quy định cụ thể về nhân quyền và thực hành y học, nghiên cứu y học có liên quan đến con người... Vấn đề đạo đức y học bắt đầu được xem xét một cách nghiêm túc.

Năm 1947, Điều lệ Nuremberg là văn bản quốc tế đầu tiên về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học có sử dụng con người. Điều lệ này nhấn mạnh đến quyền lợi của người là đối tượng tham gia nghiên cứu và nghĩa vụ của người làm nghiên cứu.

Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc tuyên bố “Quyền con người”, nhấn mạnh:

“Mọi người có quyền được hưởng cuộc sống phù hợp với sức khỏe và hạnh phúc của bản thân và gia đình mình, bao gồm ăn, mặc, nhà ở, chăm sóc y khoa và các dịch vụ xã hội cần thiết, và có quyền được bảo vệ trong trường hợp thất nghiệp, ốm đau, tàn tật, tuổi già... và trong những tình huống ngoài tầm kiểm soát”.

Năm 1953, Hội đồng y học đa khoa của Anh đã đưa ra những tiêu chí liên quan đến đạo đức trong “Thực hành y học tốt” đối với các *bác sĩ* làm việc trong các cơ sở chăm sóc *sức khỏe*. Quy định này được bổ sung gần đây nhất năm 2001.

“Bệnh nhân cần bác sĩ giỏi. Bác sĩ giỏi coi việc chăm sóc bệnh nhân là quan tâm hàng đầu của mình: bác sĩ phải có năng lực, cập nhật kiến thức và kỹ năng, thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với bệnh nhân và đồng nghiệp, bác sĩ phải trung thực, đáng tin cậy và hành động chính trực”.

Năm 1953, Hội đồng Điều dưỡng Quốc tế (ICN) thông qua “Quy tắc quốc tế về y đức dành cho điều dưỡng viên”. Quy tắc này được xem xét và sửa đổi nhiều lần, lần gần đây nhất là năm 2005.

“Điều dưỡng cần phải tôn trọng quyền con người, quyền này bao gồm các quyền về văn hóa, quyền được sống và lựa chọn, quyền tự chủ và được cư xử tôn trọng. Chăm sóc điều dưỡng với sự tôn trọng và không phân biệt lứa tuổi, màu da, tín ngưỡng, văn hóa, tàn tật hay bệnh tật, giới tính, tình dục, quốc tịch, chính trị, chủng tộc hay tầng lớp xã hội”.

Năm 1981, “Quyền bệnh nhân” được Hội Y học Thế giới xây dựng đề cập đến 11 quyền lợi của bệnh nhân khi cần được chăm sóc bằng dịch vụ y tế. Quyền bệnh nhân được sửa đổi gần đây nhất tại Hội nghị lần thứ 47 tháng 10

Năm 2005. “Bệnh nhân có quyền tự do lựa chọn bác sĩ điều trị, bệnh viện hoặc cơ sở y tế tư nhân hoặc công lập”. “Bệnh nhân có quyền từ chối tham gia vào các nghiên cứu hoặc giảng dạy y học”

Tại Việt Nam, danh y Hải Thượng Lãn Ông (1724 ... 1791) đã dạy học trò bằng chín điều y đạo:

“Phàm người được mời đi thăm, nên tùy bệnh cần kíp hay không mà sắp đặt đi thăm trước hay sau. Chớ nên vì giàu sang hay nghèo hèn mà nơi đến trước, chỗ đến sau hoặc bốc thuốc lại phân biệt hơn kém. Khi lòng mình có *chỗ* không thành thật thì khó mong thu được hiệu quả”.

Trong lá thư gửi Hội nghị Cán bộ Y tế năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng các cán bộ nhân viên ngành Y tế câu nói nổi tiếng “Lương y phải như từ mẫu” của một thầy thuốc người Trung Quốc”.

“Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân Việt Nam” được Quốc hội thông qua năm 1989. Luật quy định:

“Thầy thuốc có nghĩa vụ khám bệnh, chữa bệnh, kê đơn và hướng dẫn đến bệnh cách phòng, tự chữa bệnh; phải giữ bí mật về những điều có liên quan tật hoặc đời tư mà mình được biết về người bệnh”.

“Thầy thuốc phải có y đức, có tinh thần trách nhiệm, tận tình cứu chữa người bệnh, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật y tế...”.

“Nghiêm cấm hành vi vô trách nhiệm trong cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh làm tổn hại sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người bệnh”.

Năm 1996, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quyết định về 12 Điều Y đức quy định về “Tiêu chuẩn đạo đức của người làm công tác y tế”.

“Y đức là phẩm chất tốt đẹp của người làm công tác y tế, được biểu hiện ở tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục **vụ**, hết lòng thương yêu chăm sóc người bệnh, coi họ đau đớn như mình đau đớn, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Lương y phải *như* từ mẫu”.

Phải thật thà đoàn kết, khắc phục khó khăn, học tập vươn lên hoàn thành nhiệm vụ, toàn tâm toàn ý xây dựng nền Y học Việt Nam. Y đức phải thể hiện qua những tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức được xã hội thừa nhận”. Năm 2009, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua “Luật khám chữa bệnh”. Luật quy định về “Nguyên tắc trong hành nghề khám, chữa bệnh”

“Bình đẳng, công bằng và không kỳ thị, phân biệt đối xử với người bệnh. Tôn trọng quyền của người bệnh; giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án. Kịp thời và tuân thủ đúng quy định chuyên môn kỹ thuật.

Ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp cấp cứu, trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng, người đủ từ 80 tuổi trở lên, người có công với cách mạng, phụ nữ có thai.

Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề.

Tôn trọng, hợp tác và bảo vệ người hành nghề khi làm nhiệm vụ”.

Trách nhiệm chuyên môn của người điều dưỡng là chăm sóc và làm hài lòng những người có nhu cầu về chăm sóc điều dưỡng. Người điều dưỡng hàng ngày tiếp xúc với bệnh nhân và do vậy cần có trách nhiệm tuân thủ những quy định về đạo đức y học.

2. Khái niệm và phạm trù đạo đức

2.1. Khái niệm

*** Đạo đức**

Trong tâm lý học, đạo đức có thể được định nghĩa theo các khía cạnh sau: Nghĩa hẹp: Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp các quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội nhờ nó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích và hạnh phúc của con người, với tiến bộ xã hội trong quan hệ cá nhân - cá nhân và quan hệ cá nhân – xã hội.

Nghĩa rộng hơn: Đạo đức là toàn bộ những quy tắc, chuẩn mực nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người với nhau trong quan hệ xã hội và quan hệ với tự nhiên.

Nghĩa rộng: Đạo đức là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực biểu hiện sự tự giác trong quan hệ con người với con người, con người với cộng đồng xã hội, với tự nhiên và với cả bản thân mình.

*** Đạo đức y học**

Theo Hội Y học Thế giới:

“Đạo đức là sự nghiên cứu về giáo lý - sự phản ánh một cách thận trọng, hệ thống và sự phân tích các quyết định lương tâm và hành vi, trong quá khứ, hiện tại hoặc tương lai”.

Đạo đức là mặt giá trị của việc ra quyết định và hành vi của con người. Ngôn ngữ của đạo đức bao gồm các danh từ như “quyền”, “nghĩa vụ”, “đức hạnh” và các tính từ như “tốt”, “xấu”, “đúng”, “sai”, “gần đúng”, “không đúng”.

Đạo đức đề cập đến tất cả các mặt của hành vi và ra quyết định của con người. Nghiên cứu đạo đức là nghiên cứu về nhiều vấn đề tổng hợp với rất nhiều nhánh nghiên cứu nhỏ, trong đó có đạo đức y học.

“Đạo đức y học là nhánh nghiên cứu đề cập đến vấn đề đạo đức trong thực hành y học”.

Đạo đức y học luôn luôn là một thành phần của thực hành y học. Các nguyên lý về đạo đức y học là cơ sở cho mọi lý luận và quy định về đạo đức trong thực hành chuyên môn và nghiên cứu khoa học y học cho tất cả nhân viên y tế, đặc biệt là bác sĩ.

2.2. Phạm trù đạo đức

Khái niệm:

Phạm trù là những khái niệm chung nhất, phản ánh những đặc tính cơ bản, những phương tiện và mối quan hệ phổ biến nhất của hiện tượng trong đời sống thực tế. Các phạm trù đạo đức cũng giống như các phạm trù của khoa học khác về tính khái quát, tính phổ biến và các mối liên hệ xác định với nhau theo những quy luật nhất định. Bên cạnh đó, phạm trù đạo đức có một đặc điểm có tính riêng biệt.

Các đặc điểm của phạm trù đạo đức:

Các phạm trù đạo đức ngoài việc thông báo những nội dung, còn biểu hiện thái độ của con người và sự đánh giá (phạm trù đạo đức phản ánh nội dung khách quan như các phạm trù khác, nhưng phản ánh không bằng phẳng, mang yếu tố cảm xúc, có ý nghĩa nhân sinh quan).

Các phạm trù đạo đức thường có tính phân cực, phạm trù đạo đức quan tâm đến miền giới hạn rõ ràng của thang giá trị, không bàn đến các giá trị trung gian. Các cặp phạm trù đạo đức: Thiện và ác; Nghĩa vụ và lương tâm; Hạnh phúc và lẽ sống

Thiện và ác

Thiện là cái tích cực, cái tiến bộ, cái có ích, phù hợp với lịch sử, cái thiện là cái đạo đức.

Ác Là cái tiêu cực, cái lạc hậu, cái có hại, không phù hợp với lịch sử, cái ác là cái phi đạo đức.

Các quan niệm về thiện và ác:

Quan niệm trước Mác: Những quan niệm trước Mác có khuynh hướng quy cái thiện và cái ác vào bản chất vốn có của con người mà không hiểu bản chất xã hội và tính lịch sử của cái thiện và ác.

Bản chất con người là thiện (Mạnh Tử)

- Bản chất con người là ác (Tuân Tử)

Con người hướng tới cái thiện (Platon)

**** Quan niệm của đạo đức học Mác-Lênin:***

Mác quan niệm thiện và ác có tính lịch sử xã hội và quan hệ chặt chẽ với tính giai cấp. Ý thức của con người về cái thiện và cái ác là kết quả phản ánh những điều kiện kinh tế xã hội của thời đại và phụ thuộc vào vị trí của giai cấp.

- Quan niệm về thiện:

+ Thiện là cái tốt đẹp, là lợi ích của con người phù hợp với tiến bộ xã hội. Theo đó, thiện trước hết là sự giải phóng con người khỏi áp bức bóc lột, khỏi mọi nỗi khổ đau do sự bóc lột đem lại.

+ Là cái thiện hiện thực chứ không phải chỉ là ước muốn như những quan niệm trước đó, cái thiện gắn với sự đấu tranh cho hạnh phúc con người.

+ Cải thiện bản thân có sự sáng tạo vì chứa đựng chân lý, cái thiện không chỉ trong ý thức tư tưởng mà phải được thể hiện trong hành động.

- Quan niệm về cái ác:

+ Cái ác là cái đang ghê tởm, cần gạt bỏ ra khỏi đời sống xã hội (tuy nhiên nội dung của nó và *mặt* đối lập nó mang tính lịch sử không phải vĩnh viễn).

+ Cái ác là cái gây nên nỗi đau khổ bất hạnh cho con người. Cùng với những biến đổi lịch sử, theo chiều hướng tiến bộ, thì cái bình thường của thời đại này có thể trở thành cái ác của thời đại sau (còn cái thiện có thể trở thành bình thường).

+ Con người phấn đấu để gạt bỏ nỗi đau khổ cũng xem đó là sự chiến đấu chống cái ác. Cái thiện cái ác là sự thống nhất giữa mục đích và kết quả, giữa động cơ và phương tiện. Giữa mục đích và kết quả không bao giờ cùng đồng nhất.

Vì vậy trong đánh giá, cần coi trọng động cơ. Một hành động có mục đích tốt, nhưng kết quả không tốt, chúng ta không coi là ác, nhưng nếu xuất phát từ mục đích xấu xa, thì dù kết quả có tốt cũng vẫn coi là ác, bởi lẽ cái tốt đó không phụ thuộc vào chủ thể hành động mà do những ngẫu nhiên bên ngoài khác chi phối.

Giữa động cơ và phương tiện cũng vậy. Nếu phương tiện đã bao hàm động cơ thì mục đích thiện không thể dùng các phương tiện tàn ác. Tuy nhiên điều đó không hoàn toàn loại bỏ việc thực hiện những mục tiêu thiện, những đòi hỏi phải vượt qua khó khăn vất vả kể cả nỗi đau khổ để đến với cái thiện.

“Chỗ hoàn thiện của con người không phải là quyền lực, chỗ hoàn thiện của con người chính là lòng phục thiện của mình” (Tagore).

Nghĩa vụ và lương tâm

Nghĩa vụ:

Nghĩa vụ được hiểu như là mặt tất yếu của nhiệm vụ mà cá nhân ấy được thực hiện trước xã hội, là sự phục tùng lợi ích xã hội, là mệnh lệnh từ bên ngoài.

* Quan niệm trước Mác cho rằng “nghĩa vụ là động lực thúc đẩy hoạt động của con người” (Democrit). Democrit là người đầu tiên đưa phạm trù nghĩa vụ vào đạo đức học.

Các tôn giáo thì cho nghĩa vụ là ý thức trách nhiệm của con người trước *thượng đế*.

Kant là người có nhiều công trình nghiên cứu về nghĩa vụ, cho rằng nghĩa vụ là cái hoàn toàn không nhận thức được, ông xem nghĩa vụ như mệnh lệnh tuyệt đối *mà* con người phải tuân theo.

* Quan niệm của đạo đức học Mac-Lênin cho rằng: nghĩa vụ là trách nhiệm của con người trước lợi ích chung của xã hội (giai cấp, dân tộc) và người khác. Là ý thức về cái cần phải làm và mong muốn được làm vì lợi ích chung của xã hội.

Nội dung của việc thực hiện nghĩa vụ đạo đức:

Thực hiện hoàn toàn tự giác.

- Hành động phải phù hợp với tiêu chuẩn tiến bộ xã hội, có sáng tạo ra giá trị cao đẹp.

- Hành động hoàn toàn tự do, không bị ràng buộc bởi lợi ích vật chất và lợi ích cá nhân nào. Giáo dục ý thức nghĩa vụ đạo đức là một quá trình lâu dài, từng bước.

Nguồn gốc của ý thức nghĩa vụ là lòng biết ơn đối với xã hội, là ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ những lợi ích xã hội, là tình cảm yêu thương đoàn, kết giữa con người và con người.

Lương tâm:

Lương tâm là mặt tự do bên trong của nghĩa vụ, là ý thức tự giác hành động của cá nhân theo mệnh lệnh từ bên trong, theo một niềm tin, theo một định hướng mà cá nhân đã lựa chọn. Lương tâm là đặc trưng của đời sống đạo đức, nhờ có lương tâm mà con người tự điều chỉnh hành vi của mình.

Quan niệm trước Mác: Trước Mác người ta quan niệm lương tâm “là sự mách bảo của thượng đế” (Platon) “là sự xấu hổ của con người trước hết là với bản thân mình” (Démocrit).

* Quan niệm của đạo đức Mác-Lênin cho rằng: Lương tâm là cảm giác hay là ý thức trách nhiệm đạo đức của con người đối với hành vi của mình, là sự tự đánh giá và phán xử những hành vi của mình trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội. Nguồn gốc của lương tâm là sự nhận thức về nghĩa vụ đạo đức của mình.

Nó xuất phát từ hoạt động xã hội theo các bước:

- Ý thức về cái cần phải làm vì sợ bị trừng phạt. thức về cái cần phải làm vì xấu hổ trước người khác.

Ý thức về cái cần phải làm vì sợ xấu hổ trước bản thân. Cảm giác tự xấu hổ là bước đầu của lương tâm. “Xấu hổ trước mọi người là tình cảm tốt, nhưng xấu hổ trước bản thân mình lại còn tốt hơn nhiều” (Tonstói)

Lương tâm biểu hiện ở hai trạng thái:

Trạng thái phủ định; là sự cắn rứt của lương tâm, giúp con người tự phản xét hành vi sai trái của mình, giúp con người thức tỉnh, hối cải và tìm cách khắc phục lỗi lầm.

- Trạng thái khẳng định: là trạng thái làm cho lương tâm thanh thản, nâng cao tính tích cực của con người, tin tưởng vào hoạt động của mình. Trạng thái lương tâm luôn giữ vai trò định hướng giúp con người uốn nắn những sai trái và là động lực thúc đẩy hành động đúng đắn.

Hạnh phúc và lẽ sống:

Hạnh phúc:

Hạnh phúc là mục đích, là lý tưởng tối cao cho mọi cuộc sống có ý nghĩa. Hạnh phúc là mối quan tâm lớn của mọi thời đại, bởi lẽ quan niệm của con người về hạnh phúc quyết định thái độ sống, quyết định toàn bộ hoạt động của con người.

Các quan niệm về hạnh phúc:

* Quan niệm trước Mác về hạnh phúc thường nhấn mạnh đến các yếu tố tinh thần, các quan điểm tư sản có khuynh hướng cho nội dung hạnh phúc là sự thỏa mãn những nhu cầu vật chất cá nhân.

Aristốt nhấn mạnh hạnh phúc là cuộc sống trí tuệ,

Démocrit: Trí tuệ chế ngự đau khổ.

Phobach: Trí tuệ là hạnh phúc.

Héghen: Hạnh phúc chỉ có ở người giàu, người nghèo và lao động không có hạnh phúc.

* Quan niệm đạo đức Mác-Lênin cho rằng hạnh phúc đích thực là sự thỏa mãn cao nhất những nhu cầu đạo đức xã hội. Là yếu tố tâm lý cảm xúc một cách tự giác các nhu cầu đạo đức cao cả (tình yêu, tình bạn, gia đình, khát vọng đẹp để giải phóng con người,...)

Đặt hạnh phúc trong mối quan hệ lịch sử cụ thể vừa có mặt chủ quan vừa có mặt khách quan. Mặt khách quan của hạnh phúc là nhu cầu phát triển xã hội, mặt chủ quan là những nỗ lực cố gắng và điều kiện phát triển của cá nhân.

Sự thống nhất chủ quan và khách quan trong thực tế tạo nên hạnh phúc cho con người. Con người càng có những cố gắng vượt bậc, nỗ lực cao để thực hiện các nhu cầu xã hội thì họ càng có điều kiện tạo nên hạnh phúc cho mình.

Hạnh phúc cá nhân độc lập với chữ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân không giúp con người vươn tới hạnh phúc đích thực mà ngược lại, luôn đe dọa con người tới bất hạnh đau khổ. Hạnh phúc của mình có thể là bất hạnh cho người khác.

Lẽ sống (Ý nghĩa cuộc sống): Lẽ sống đem lại cơ sở triết lý cho vấn đề hạnh phúc nó chỉ cho ta thấy thế nào là hạnh phúc chân chính, hạnh phúc lý tưởng. Các quan niệm về lẽ sống:

Thậm chí, những đan xen và đối chọi ấy còn diễn ra ngay trong bản thân mỗi một con người. Do đó việc xây và chống trong lĩnh vực đạo đức hoàn toàn là điều không đơn giản. Để xây và chống có hiệu quả phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi.

* Nguyên tắc thứ ba là: Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

Bởi mỗi người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức hàng ngày, đó là công việc kiên trì, bền bỉ suốt đời. Trong thực tiễn, có người trong lúc đấu tranh thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ gian khổ, hy sinh, nhưng đến khi có ít quyền hạn thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, biến thành người có tội.

Đối với mỗi con người việc rèn luyện đạo đức cách mạng phải được thực hiện trong hoạt động thực tiễn, trong đời tư cũng như trong đời công, sinh hoạt, học tập, lao động, chiến đấu; trong mọi mối quan hệ xã hội từ hẹp đến rộng, từ nhỏ đến lớn, từ gia đình đến nhà trường, đoàn thể, xã hội; từ quan hệ bạn bè đến đồng chí, anh em, cấp trên, cấp dưới, với Đảng, với nước, với dân và cả trong quan hệ quốc tế.

3.2. Đào tạo đạo đức y học cho người dược sĩ

Có nhiều lý do thường gặp biện hộ cho việc không cần đào tạo Đạo đức y học cho người dược sĩ trong chương trình chính khóa. Những ý kiến này cho rằng:

“Đạo đức y học là dành cho bác sĩ, còn người dược sĩ chỉ làm theo y lệnh nên không cần quan tâm đến đạo đức y học. Vì nếu y lệnh sai, là lỗi của bác sĩ”.

“Đạo đức đã được học quá nhiều từ nhỏ, từ gia đình và xã hội, nên không cần học trong trường đại học”.

“Đạo đức y học là tự học bằng cách quan sát các thầy cô, và trong thực hành, chứ không phải học trong sách vở”.

“Đạo đức là quan trọng, nhưng trong chương trình đào tạo đã quá tải và không còn thời gian cho môn học này nữa”

Và còn rất nhiều lý lẽ khác để biện luận cho việc chưa giảng dạy môn học này trong chương trình đào tạo nhân lực cho ngành Y tế.

Từ năm 1999, *Hội Y học Thế giới* đã ra khuyến nghị về “Giải pháp kế hợp

Đạo đức Y học và Quyền con người vào chương trình đào tạo của các trường *Y trên* toàn thế giới”.

“*Hội Y học Thế giới* khuyến nghị mạnh mẽ tới các trường *Y trên* toàn thế giới rằng dạy, học Đạo đức y học và Quyền con người là khóa học bắt buộc trong chương trình đào tạo”.

Học tập và nghiên cứu về đạo đức y học giúp cho sinh viên y dược nhận thức được các tình huống phức tạp, khó khăn và đề cập cho sinh viên về cách ứng xử theo nguyên lý lẽ phải.

Đạo đức y học cũng có ảnh hưởng quan trọng trong mối liên quan của người bác sĩ, dược sĩ với xã hội và đồng nghiệp trong việc tiến hành trong các nghiên cứu y sinh học.

3.3. 12 điều y đức

Điều 1. Phải có lương tâm và trách nhiệm cao, hết lòng yêu nghề, luôn rèn luyện nâng cao phẩm chất của người thầy thuốc, không ngừng học tập và tiếp tục nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ vì sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Điều 2. Tôn trọng pháp luật và thực hiện nghiêm túc các qui chế chuyên môn, Không được sử dụng bệnh nhân làm thực nghiệm cho những phương pháp chẩn đoán, điều trị, nghiên cứu khoa học khi chưa được phép của bộ y tế và sự chấp nhận của bệnh nhân.

Điều 3. Tôn trọng quyền được khám bệnh, chữa bệnh của nhân dân, tôn trọng những bí mật riêng tư của bệnh nhân, khi thăm khám, chăm sóc cần bảo đảm kín đáo, lịch sự. Quan tâm đến bệnh nhân trong viện chích sách ưu đãi xã hội, không được phân biệt đối xử với bệnh nhân, không có thái độ ban ơn, lạm dụng nghề nghiệp và gây phiền hà cho bệnh nhân. Phải trung thực khi thanh toán các chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Khi tiếp xúc với bệnh nhân và gia đình họ, luôn có thái độ niềm nở, tận tình, trang phục phải chỉnh tề, sạch sẽ để tạo niềm tin cho người bệnh, phải giải thích tình hình bệnh tật cho bệnh nhân và gia đình họ hiểu để cùng hợp tác điều trị, phổ biến cho họ về chính sách, quyền lợi và nghĩa vụ của bệnh nhân, đồng viên, an ủi, khuyến khích bệnh nhân điều trị, tập luyện để chóng hồi phục, trong trường hợp bệnh nặng hoặc tiên lượng xấu cũng phải hết lòng cứu chữa và chăm sóc tới cùng, đồng thời báo cho gia đình bệnh nhân biết.

Điều 5. Khi cấp cứu phải khẩn trương chẩn đoán, xử trí kịp thời không được dùn dầy bệnh nhân.

Điều 6. Kê đơn phải phù hợp với chẩn đoán và đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, không vì lợi ích cá nhân mà giao cho bệnh nhân thuốc kém phẩm chất, thuốc không đúng với yêu cầu và mức độ bệnh.

Điều 7. Không được rời bỏ vị trí khi làm nhiệm vụ, theo dõi, xử trí kịp thời các diễn biến của bệnh nhân.

Điều 8. Khi bệnh nhân ra viện phải dặn dò chu đáo, hướng dẫn họ phải tiếp tục điều trị, tự chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

Điều 9. Khi bệnh nhân tử vong, phải thông cảm sâu sắc chia buồn và hướng dẫn, giúp đỡ gia đình họ làm các thủ tục cần thiết.

Điều 10. Thật thà đoàn kết, tôn trọng đồng nghiệp, kính trọng các bậc thầy, sẵn sàng truyền thụ kiến thức, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Điều 11. Khi bản thân có thiếu sót, phải tự giác nhận trách nhiệm về mình, không đổ lỗi cho đồng nghiệp và tuyến trước.

Điều 12. Hằng hái tham gia công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, cứu chữa người bị tai nạn, đau ốm tại cộng đồng, gương mẫu thực hiện nếp sống vệ sinh, giữ gìn môi trường trong sạch.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

Câu 1: Đạo đức là gì? Đạo đức có những nguyên tắc tắc?

Câu 2: Trình bày 12 điều y đức?

Bài 2. ĐẠO ĐỨC TRONG KINH DOANH THUỐC

❖ GIỚI THIỆU BÀI 2

Bài 2 là bài giới thiệu tổng quan về đạo đức kinh doanh và các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức kinh doanh, vai trò của đạo đức kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp, các hoạt động quảng cáo bán hàng phi đạo đức, để người học có được kiến thức nền tảng và vận dụng được kiến thức đã học vào đạo đức trong kinh doanh thuốc.

❖ MỤC TIÊU BÀI 2

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

➤ Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về đạo đức kinh doanh và các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức kinh doanh.
- Hiểu vai trò của đạo đức kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp.
- Trình bày được các hoạt động quảng cáo bán hàng phi đạo đức.

➤ Về kỹ năng:

- Thể hiện chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh thuốc.
- Vận dụng kiến thức vào thực hành nghề nghiệp.

➤ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh thuốc.
- Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, trung thực, chính xác trong học tập.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 2

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập bài 2 (cá nhân hoặc nhóm).*

- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (Bài 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận bài 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 2

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Phòng học lý thuyết.
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác.
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 2

- **Nội dung:**

- ✓ *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*
- ✓ *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*
- ✓ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*
 - + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
 - + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
 - + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
 - + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*

- **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**

- ✓ *Điểm kiểm tra thường xuyên: không có*
- ✓ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có*

NỘI DUNG BÀI 2

1. Khái niệm đạo đức kinh doanh

Đạo đức kinh doanh là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh. Đạo đức kinh doanh chính là phạm trù đạo đức được vận dụng vào trong hoạt động kinh doanh. Đạo đức kinh doanh là một dạng đạo đức nghề nghiệp. Đạo đức kinh doanh có tính đặc thù của hoạt động kinh doanh - do kinh doanh là hoạt động gắn liền với các lợi ích kinh tế, do vậy khía cạnh thể hiện trong ứng xử về đạo đức không hoàn toàn giống các hoạt động khác: Tính thực dụng, sự coi trọng hiệu quả kinh tế là những đức tính tốt của giới kinh doanh nhưng nếu áp dụng sang các lĩnh vực khác như giáo dục, y tế... hoặc sang các quan hệ xã hội khác như vợ chồng, cha mẹ con cái thì đó lại là những thói xấu bị xã hội phê phán.

Song cần lưu ý rằng đạo đức kinh doanh vẫn luôn phải chịu sự chi phối bởi một hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức xã hội chung Phạm vi áp dụng của đạo đức kinh doanh. Đó là tất cả những thể chế xã hội, những tổ chức, những người liên quan, tác động đến hoạt động kinh doanh: thể chế chính trị, chính phủ, công đoàn, nhà cung ứng, khách hàng, cổ đông, chủ doanh nghiệp, người làm công.

Việc chăm sóc khách hàng phải bắt nguồn từ sự cam kết của lãnh đạo cấp cao nhất và nhất quán trong mọi phòng ban. Sau đây là 1 số bí quyết giúp chăm sóc khách hàng tốt nhất:

- Sự thân thiện và nồng ấm trong giao tiếp với khách hàng.
- Khách hàng muốn được cảm thấy mình thực sự quan trọng.
- Khách hàng muốn được công ty lắng nghe những gì họ nói. Đôi khi, việc biết tên của khách hàng cũng đem lại lợi thế cho doanh nghiệp.
- Năng động, linh hoạt.

2. Nguyên tắc của đạo đức kinh doanh

Đạo đức kinh doanh đảm bảo rằng tồn tại một mức độ tin cậy cơ bản nhất định giữa người tiêu dùng và các hình thức tham gia thị trường với doanh nghiệp. Ví dụ, một nhà quản lý danh mục đầu tư phải xem xét danh mục đầu tư của các thành viên gia đình và các nhà đầu tư cá nhân nhỏ lẻ. Những loại thực hành này đảm bảo công chúng được đối xử công bằng.

Khái niệm đạo đức kinh doanh bắt đầu vào những năm 1960 khi các tập đoàn nhận thức rõ hơn về một xã hội dựa trên người tiêu dùng đang gia tăng thể hiện mối quan tâm về môi trường, các nguyên nhân xã hội và trách nhiệm của doanh nghiệp.

Sự tập trung ngày càng tăng vào “các vấn đề xã hội” là một dấu ấn của thập kỷ. Kể từ thời điểm đó, khái niệm đạo đức kinh doanh đã phát triển. Đạo đức

kinh doanh không chỉ là một quy tắc đạo đức về đúng và sai; nó cố gắng dung hòa những gì các công ty phải làm về mặt pháp lý so với việc duy trì lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác. Các công ty thể hiện đạo đức kinh doanh theo một số cách.

Đạo đức kinh doanh nhằm đảm bảo mức độ tin cậy nhất định giữa người tiêu dùng và doanh nghiệp, đảm bảo đối xử công bằng và bình đẳng.

Đạo đức kinh doanh là một lĩnh vực nghiên cứu vô cùng đa dạng, nhưng nhiều khái niệm có thể được chia thành một số nguyên tắc cơ bản. Mọi doanh nghiệp nên cố gắng tuân theo những hướng dẫn này để theo đuổi thành công.

- Đáng tin cậy

Để đạt được sự đáng tin cậy thường bao gồm việc minh bạch và trung thực trong mọi hành động và giao tiếp. Đáng tin cậy có thể có tác động tích cực cả bên trong và bên ngoài. Người tiêu dùng đánh giá cao sự cởi mở, vì nó cung cấp cho họ cái nhìn sâu sắc về cách một doanh nghiệp hoạt động và khái niệm hóa công việc mà họ làm. Nhân viên cũng đánh giá cao phẩm chất này trong một doanh nghiệp mà họ làm việc.

- Kính trọng

Thể hiện sự tôn trọng đối với nhân viên và khách hàng bao gồm việc tuân theo tất cả các lời hứa và đưa ra lời xin lỗi chân thành và bồi thường thích đáng nếu có bất cứ điều gì xảy ra. Thể hiện sự thiếu tôn trọng sẽ ngăn cản khách hàng tương tác với doanh nghiệp và hạ thấp danh tiếng của doanh nghiệp. Nó cũng sẽ gây thiệt hại đáng kể cho tinh thần của nhân viên và tăng doanh thu.

- Công bằng

Đối xử với khách hàng và nhân viên với tinh thần công bằng và công bằng là một loại đạo đức quan trọng. Các hành vi lồi kéo không chỉ là phi đạo đức mà còn vô ích và ưu tiên hàng đầu của bất kỳ doanh nghiệp nào là phải hữu ích cho khách hàng và nhân viên của mình. Điều quan trọng nữa là phải đối xử bình đẳng với tất cả mọi người.

- Chăm sóc

Các doanh nghiệp, vào cuối ngày, bao gồm con người. Có những con người tiêu thụ hàng hóa hoặc dịch vụ từ doanh nghiệp và sau đó có những con người làm việc để sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ đó. Cởi mở trước những khó khăn của họ và cùng bàn bạc với các giải pháp sẽ thể hiện sự đồng cảm - một công cụ có giá trị cho bất kỳ doanh nghiệp nào sử dụng. Thể hiện ý thức quan tâm và giữ các đường truyền thông tin liên lạc không chỉ là điều đạo đức cần làm mà còn có thể thúc đẩy nhận thức bên trong và bên ngoài về doanh nghiệp.

Ví dụ về Đạo đức Kinh doanh

Dưới đây là một vài ví dụ về đạo đức kinh doanh tại nơi làm việc khi các tập đoàn cố gắng cân bằng giữa hoạt động tiếp thị và trách nhiệm xã hội.

Ví dụ: hãy xem xét vấn đề kiểm soát chất lượng đối với một công ty sản xuất linh kiện điện tử cho máy chủ máy tính. Các thành phần này phải giao hàng đúng thời hạn, nếu không nhà sản xuất các bộ phận có nguy cơ mất hợp đồng béo bở. Bộ phận kiểm tra chất lượng phát hiện ra một khiếm khuyết có thể xảy ra và mọi thành phần trong một lô hàng đều phải kiểm tra.

Thật không may, quá trình kiểm tra có thể mất quá nhiều thời gian và thời hạn giao hàng đúng hạn có thể trôi qua, điều này có thể làm chậm trễ việc phát hành sản phẩm của khách hàng. Bộ phận kiểm tra chất lượng có thể vận chuyển các bộ phận, hy vọng rằng không phải tất cả chúng đều bị lỗi, hoặc trì hoãn việc vận chuyển và kiểm tra mọi thứ. Nếu các bộ phận bị lỗi, công ty mua các bộ phận đó có thể gặp phải phản ứng dữ dội của người tiêu dùng, điều này có thể khiến khách hàng phải tìm kiếm một nhà cung cấp đáng tin cậy hơn.

3. Chuẩn mực của đạo đức kinh doanh

Đạo đức kinh doanh rất quan trọng vì chúng có ý nghĩa lâu dài ở một số cấp độ. Với việc nâng cao nhận thức của nhà đầu tư về các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị, danh tiếng của một công ty đang bị đe dọa. Ví dụ: nếu một công ty tham gia vào các hoạt động phi đạo đức, chẳng hạn như các thủ tục và biện pháp bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng kém, thì điều đó có thể dẫn đến vi phạm dữ liệu. Do đó, điều này có thể dẫn đến mất khách hàng đáng kể, xói mòn lòng tin, thuê mướn kém cạnh tranh và giảm giá cổ phiếu.

Khi nói đến việc ngăn chặn hành vi phi đạo đức và sửa chữa các tác dụng phụ tiêu cực của nó, các công ty thường tìm đến các nhà quản lý và nhân viên để báo cáo bất kỳ sự cố nào mà họ quan sát thấy hoặc trải qua. Tuy nhiên, những rào cản trong chính văn hóa công ty (chẳng hạn như sợ bị trả thù vì báo cáo hành vi sai trái) có thể ngăn điều này xảy ra.

Được xuất bản bởi Sáng kiến Tuân thủ & Đạo đức (ECI), Khảo sát Đạo đức Kinh doanh Toàn cầu năm 2021 đã khảo sát hơn 14.000 nhân viên ở 10 quốc gia về các loại hành vi sai trái mà họ quan sát thấy ở nơi làm việc. 49% nhân viên được khảo sát cho biết họ đã quan sát thấy hành vi sai trái, với 22% nói rằng họ đã quan sát thấy hành vi mà họ sẽ phân loại là lạm dụng. 86% nhân viên cho biết họ đã báo cáo những hành vi sai trái mà họ quan sát được. Khi được hỏi liệu họ có bị trả thù vì đã báo cáo hay không, 79% cho biết họ đã bị trả thù.

Thật vậy, sợ bị trả thù là một trong những lý do chính mà nhân viên viện dẫn để không báo cáo hành vi phi đạo đức ở nơi làm việc. ECI cho biết các công ty nên làm việc để cải thiện văn hóa doanh nghiệp của họ bằng cách củng cố ý tưởng rằng việc báo cáo hành vi sai trái bị nghi ngờ là có lợi cho công ty và ghi nhận và khen thưởng sự can đảm của nhân viên trong việc báo cáo.

4. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội

Khái niệm “đạo đức kinh doanh” và “trách nhiệm xã hội” thường hay bị sử dụng lẫn lộn. Trên thực tế, khái niệm trách nhiệm xã hội được nhiều người sử dụng như là một biểu hiện của đạo đức kinh doanh. Tuy nhiên, hai khái niệm

này có ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Nếu trách nhiệm xã hội là những nghĩa vụ một doanh nghiệp hay cá nhân phải thực hiện đối với xã hội nhằm đạt được nhiều nhất những tác động tích cực và giảm tối thiểu các tác động tiêu cực đối với xã hội thì đạo đức kinh doanh lại bao gồm những quy định và các tiêu chuẩn chỉ đạo hành vi trong thế giới kinh doanh. Trách nhiệm xã hội được xem như một cam kết với xã hội trong khi đạo đức kinh doanh lại bao gồm các quy định rõ ràng về các phẩm chất đạo đức của tổ chức kinh doanh, mà chính những phẩm chất này sẽ chỉ đạo quá trình đưa ra quyết định của những tổ chức ấy.

5. Vai trò của đạo đức kinh doanh trong quản trị doanh nghiệp

Lợi nhuận là một trong những yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của một doanh nghiệp và là cơ sở đánh giá khả năng duy trì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu người quản lý doanh nghiệp hiểu sai bản chất của lợi nhuận và coi đây là mục tiêu chính và duy nhất của hoạt động kinh doanh thì sự tồn tại của doanh nghiệp có thể bị đe dọa.

Tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh đối với một tổ chức là một vấn đề gây tranh cãi với rất nhiều quan điểm khác nhau. Nhiều giám đốc doanh nghiệp coi các chương trình đạo đức là một hoạt động xa xỉ mà chỉ mang lại lợi ích cho xã hội chứ không phải doanh nghiệp.

Vai trò của sự quan tâm đến đạo đức trong các mối quan hệ kinh doanh tiếp tục bị hiểu lầm. Chúng ta sẽ xem xét ở các nội dung dưới đây về vai trò của đạo đức kinh doanh trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Công trình nghiên cứu của họ cho thấy, trong vòng 11 năm, những công ty "đạo đức cao" đã nâng được thu nhập của mình lên tới 68% (trong khi những công ty đối thủ thường thường bậc trung về chuẩn mực đạo đức chỉ đạt được 36%). Giá trị cổ phiếu của những công ty "đạo đức cao" trên thị trường chứng khoán tăng tới 90% (còn ở các đối thủ "kém kém" hơn, chỉ số này chỉ là 74%). Lãi ròng của các công ty "đạo đức cao" ở Mỹ trong 11 năm tăng tới 75% (1%). Như vậy, đầu tư vào cơ sở hạ tầng đạo đức trong tổ chức sẽ mang lại cơ sở cho tất cả các hoạt động kinh doanh quan trọng của tổ chức cần thiết để thành công.

Có nhiều minh chứng cho thấy việc phát triển các chương trình đạo đức có hiệu quả trong kinh doanh không chỉ giúp ngăn chặn các hành vi sai trái mà còn mang lại những lợi thế kinh tế. Mặc dù các hành vi đạo đức trong một tổ chức là rất quan trọng xét theo điểm xã hội và quan điểm cá nhân, những khía cạnh kinh tế cũng là một nhân tố cũng quan trọng không kém. Một trong những khó khăn trong việc dành được sự ủng hộ cho các ý tưởng đạo đức trong tổ chức là chi phí cho các chương trình đạo đức không chỉ tốn kém mà còn chẳng mang lại lợi lộc gì cho tổ chức. Chỉ riêng đạo đức không thôi, sẽ không thể mang lại những thành công về tài chính, nhưng đạo đức sẽ giúp hình thành và phát triển bền vững văn hóa tổ chức, phục vụ cho tất cả các cổ đông.

6. Đạo đức kinh doanh góp phần vào sự vững mạnh của nền kinh tế quốc dân

Một câu hỏi quan trọng và thường được nêu ra là liệu hành động đạo đức trong kinh doanh có tác động đến kinh tế của một quốc gia hay không. Các nhà kinh tế học thường đặt câu hỏi tại sao một số nền kinh tế thị trường mang lại năng suất cao, công dân có mức sống cao, trong khi đó các nền kinh tế khác lại không như thế. Các thể chế xã hội, đặc biệt là các thể chế thúc đẩy tính trung thực, là yếu tố vô cùng quan trọng để phát triển sự phồn vinh về kinh tế của một xã hội. Các nước phát triển ngày càng trở nên giàu có hơn vì có một hệ thống các thể chế, bao gồm đạo đức kinh doanh, để khuyến khích năng suất. Trong khi đó, tại các nước đang phát triển, cơ hội phát triển kinh tế và xã hội bị hạn chế bởi độc quyền, tham nhũng, hạn chế tiến bộ cá nhân. Niềm tin là cái mà các cá nhân xác định, có cảm giác chia sẻ với những người khác trong xã hội ở mức độ hẹp nhất ở niềm tin trong xã hội là lòng tin vào chính mình. Rộng hơn nữa là thành viên trong gia đình và họ hàng. Các quốc gia có các thể chế dựa vào niềm tin sẽ phát triển môi trường năng suất cao vì có một hệ thống đạo đức giúp giảm thiểu các chi phí giao dịch, làm cạnh tranh trở nên hiệu quả hơn. Trong hệ thống dựa vào thị trường có niềm tin lớn như Nhật Bản, Anh Quốc, Canada, Hoa Kỳ, Thụy Điển, các doanh nghiệp có thể thành công và phát triển nhờ có một tính thần hợp tác và niềm tin. Chúng ta tiến hành so sánh tỷ lệ tham nhũng trong các thể chế xã hội khác.

7. Đạo đức trong Marketing – bán hàng phi đạo đức

* Đạo đức trong Marketing

Đạo đức trong Marketing: được hiểu là quá trình các công ty tiếp thị hàng hóa và dịch vụ của họ bằng cách không chỉ tập trung vào sản phẩm mà còn mang lại lợi ích cho các bên liên quan đồng thời đảm bảo trách nhiệm với xã hội và môi trường.

Đạo đức trong Marketing hay **Ethical Marketing** không chỉ là một chiến lược; nó là một triết lý. Đảm bảo quảng cáo trung thực và đáng tin cậy. Xây dựng mối quan hệ bền chặt với khách hàng thông qua các giá trị cốt lõi của công ty. Đó chỉ là hai trong nhiều cách đảm bảo đạo đức trong Marketing của doanh nghiệp.

Một công ty tập trung vào đạo đức trong Marketing đánh giá các quyết định của họ từ góc độ kinh doanh (tức là liệu một sáng kiến cụ thể có mang lại lợi nhuận mong muốn hay không) cũng như quan điểm đạo đức (tức là liệu một quyết định có đúng đắn về mặt đạo đức).

Những nguyên tắc cơ bản về đạo đức trong Marketing

Để thực thi Ethical Marketing hay đạo đức trong Marketing, đây là các nguyên tắc chính cần được đảm bảo:

- **Công bằng:** Hay cụ thể hơn là thiết lập công bằng làm nguyên tắc ra quyết định trong kinh doanh. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp cam kết giá cả, lương thưởng hợp lý, và phát triển bền vững.

- **Trung thực:** Nền tảng của hành vi đạo đức là tính trung thực. Các công ty trung thực sử dụng truyền thông để cung cấp thông tin thực tế về chức năng

và tác động của sản phẩm hay dịch vụ. Ta có thể hiểu đơn giản là quảng cáo mà không cố gắng gây hiểu lầm hay nhầm lẫn.

- **Trách nhiệm:** Các doanh nghiệp có thể nhấn mạnh trách nhiệm của mình theo nhiều cách. Chúng bao gồm nghĩa vụ cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ đáng tin cậy, hỗ trợ các hoạt động xã hội, hỗ trợ cộng đồng, đối xử tôn trọng với nhân viên hoặc bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động bền vững.

- **Minh bạch:** Hay nói cách khác là công khai về hoạt động của công ty bạn. Đặc biệt là cách ứng xử với nhân viên, tính bền vững của văn hoá công ty cũng như tác động của sản phẩm hay dịch vụ đến xã hội, môi trường.

Trong tình hình toàn cảnh nền kinh tế tài chính đang tăng trưởng và hội nhập, hoạt động giải trí kinh doanh kinh doanh có đạo đức là nền tảng duy trì giúp doanh nghiệp tăng trưởng vững chắc. Tuy nhiên, thật không may khi không phải ai cũng kinh doanh có đạo đức mà thay vào đó là thực thi những hành vi bán hàng không có đạo đức. Bán hàng không có đạo đức chính là bỏ lỡ những quyền lợi của người mua mà mặc kệ tổng thể để có được quyền lợi, lệch giá, tiềm năng mà họ đề ra, mặc dầu phải hãm hại hay làm tổn thương đến người khác.

Hành vi bán hàng phi đạo đức có thể được hiểu là những trao đổi không công bằng đối với người mua như người bán hàng có thể lừa đảo, nói dối, cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ về sản phẩm, hoặc thực hiện những hành vi câu kéo, nài nỉ khiến người mua hàng cảm thấy ngại và khó chịu,... nhằm khiến khách hàng mua những sản phẩm, dịch vụ mà họ không cần đến, gây nên những bất lợi, thiệt hại, tổn thất cho khách hàng. Những hành vi này có thể có hoặc không vi phạm pháp luật nhưng những hành vi bán hàng phi đạo đức đều vi phạm chuẩn mực về đạo đức.

*** Bán hàng phi đạo đức là gì? Bán hàng phi đạo đức là gì?**

- Những hành vi được coi là bán hàng phi đạo đức

+ Buôn bán loại sản phẩm không hợp pháp và không bảo vệ chất lượng

Doanh nghiệp che giấu không đưa phân phối thông tin rất đầy đủ trung thực về sản phẩm & hàng hóa của mình. Sản phẩm sản phẩm & hàng hóa bán ra không bảo vệ tính hợp pháp, nâng giá, ép giá, bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, quảng cáo gian dối làm thiệt hại tới người tiêu dùng. Giá cả không được niêm yết, đăng ký, kê khai và nộp thuế.

+ Bán hàng kinh doanh gây thiệt hại đến những đối tác chiến lược và đối thủ cạnh tranh kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh thương mại ngày nay dựa trên nguyên tắc “Hai bên cùng có lợi” nên khi bán hàng cạnh tranh đối đầu không công minh, sử dụng những thủ đoạn, chiêu trò nhằm mục đích hạ bệ, gây tổn thất nghiêm trọng đến doanh nghiệp cạnh tranh đối đầu thì đều là hành vi bán hàng phi đạo đức. Doanh nghiệp sử dụng thủ đoạn “dành hết lợi về mình” hoặc cạnh tranh đối đầu bất

chính để dành độc quyền, tóm gọn thị trường để ép giá chính là bán hàng phi đạo đức. Những hành vi bán hàng phi đạo đức.

+ Quảng cáo mẫu sản phẩm không đúng với thực tiễn

Doanh nghiệp lạm dụng việc quảng cáo để tiêu thụ sản phẩm và hàng hóa. Quảng cáo mẫu sản phẩm vi phạm pháp lý, không đúng thuần phong mỹ tục, sử dụng những hình ảnh xâm phạm hình ảnh quốc kỳ, quốc ca, đảng kỳ, quốc huy và hình ảnh lãnh tụ đều là những hành vi phi đạo đức. Không chỉ quảng cáo trái với lao lý pháp lý mà quảng cáo sai thực sự, làm thiệt hại đến người khác, lừa đảo, loại sản phẩm không đúng như những gì được quảng cáo trình làng khiến người mua bị tổn thất cũng là những hành vi bán hàng phi đạo đức. Những hành vi gây rối mất trật tự để quảng cáo nơi công cộng, khu vui chơi giải trí công viên, trường học, bệnh viện, đền chùa, di tích lịch sử lịch sử dân tộc, quảng cáo gây tiếng động lớn từ 23 giờ đêm đến 4 giờ sáng hôm là những hành vi quảng cáo bị cấm. Quảng cáo sản phẩm sai sự thật.

+ Đưa ra những chương trình khuyến mại lừa đảo: Khuyến mại có mục đích là để xúc tiến bán hàng bằng cách cho người tiêu dùng hưởng những đặc quyền như giảm giá, tặng quà đi kèm, bốc thăm trúng thưởng.

Doanh nghiệp có hành vi bán hàng phi đạo đức là khi lạm dụng những chương trình khuyến mại để đưa tin lừa đảo người tiêu dùng hay làm trộn lẫn thị trường, gây ra những thiệt hại nặng nề cho người tiêu dùng, chiếm đoạt gia tài, ... Đưa ra những chương trình khuyến mại lừa đảo.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

Câu 1: Thế nào là chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh?

Câu 2: Bán hàng phi đạo đức là gì? Bán hàng phi đạo đức là gì? Lấy ví dụ minh họa và phân tích?

Bài 3. ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU Y SINH HỌC

❖ GIỚI THIỆU BÀI 1

Bài 3 là bài giới thiệu về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học nhằm giúp sinh viên hiểu biết tuân thủ những nguyên tắc cơ bản về đạo đức khi nghiên cứu trên đối tượng là con người phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam và với các hướng dẫn quốc tế.

❖ MỤC TIÊU BÀI 1

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

➤ Về kiến thức:

1. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của đạo đức trong nghiên cứu y sinh.
2. Trình bày được nội dung của bản thoả thuận tham gia nghiên cứu.
3. Trình bày được cách xác định lợi ích và nguy cơ khi tiến hành nghiên cứu

Về kỹ năng:

1. Thực hiện nghiên cứu y sinh đúng theo nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh.
2. Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan.

➤ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu trong học tập.
2. Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân, sự chính xác trong công tác chuyên môn.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 3

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (Bài 3) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi bài 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 3

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.
- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác.
- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- Các điều kiện khác: Không có.

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 3

- Nội dung:

- ✓ *Kiến thức*: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.
- ✓ *Kỹ năng*: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- ✓ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp kiểm tra đánh giá**:
 - ✓ *Điểm kiểm tra thường xuyên*: không có.
 - ✓ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết*: không có.

NỘI DUNG BÀI 3.

1. Những nguyên tắc chuẩn mực của đạo đức trong nghiên cứu y sinh học

1.1. Khái niệm chung

Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học là các nguyên tắc, các chuẩn mực đạo đức áp dụng trong nghiên cứu y sinh học liên quan đến đối tượng là con người.

Hoạt động nghiên cứu khoa học y học đem lại những tiến bộ to lớn trong y học, tuy nhiên trong các nghiên cứu y sinh học, do đặc điểm đặc biệt đối tượng nghiên cứu là con người, trong quá trình nghiên cứu có thể xảy ra các nguy cơ rủi ro với đối tượng nghiên cứu. Vì những lí do trên, các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu được đặt ra, cần xem xét và đánh giá nhằm bảo vệ sự an toàn, sức khoẻ và các quyền của đối tượng nghiên cứu

1.2. Các nguyên tắc cơ bản của đạo đức trong nghiên cứu y sinh học

- Có 3 nguyên tắc cơ bản của đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, đó là:

+ Tôn trọng con người (respect for rights), bao gồm tôn trọng quyền tự nguyện lựa chọn tham gia nghiên cứu của đối tượng có đủ năng lực đưa ra việc tự quyết định và bảo vệ những đối tượng không có khả năng tự quyết

+ Từ tâm (beneficence): nghĩa là làm việc thiện và tránh gây tổn hại, điều này đòi hỏi kết quả phải là điều tốt lành, tránh điều có hại hoặc lợi ích phải vượt xa các nguy cơ hoặc điều có hại;

+ Sự công bằng (justice), điều này đòi hỏi bảo đảm phân bố đều về trách nhiệm và lợi ích của đối tượng tham gia nghiên cứu, nhà khoa học, nhà sản xuất, cá nhân cũng như của xã hội.

1.3. Chuẩn mực trong nghiên cứu y sinh học

Các chuẩn mực trong nghiên cứu y sinh học bao gồm những nội dung cơ bản sau đây:

1. Nghiên cứu y sinh phải tuân theo các nguyên tắc khoa học và phải dựa trên nghiên cứu trong phòng thí nghiệm và trên động vật một cách đầy đủ, và phải dựa trên các kiến thức thấu đáo từ các tài liệu khoa học;
2. Thiết kế từng phép thử nghiệm trên đối tượng con người phải được hình thành trong đề cương nghiên cứu và phải được đánh giá bởi hội đồng độc lập.
3. Nghiên cứu phải được thực hiện bởi cán bộ có đủ trình độ khoa học tương xứng và được giám sát bởi các chuyên gia y học có kinh nghiệm lâm sàng
4. Bất cứ nghiên cứu y sinh học nào có đối tượng là con người cũng cần phải được đánh giá cẩn thận các nguy cơ có thể lường trước so với các lợi ích có thể đạt được cho đối tượng nghiên cứu và các đối tượng khác. Quan tâm đến lợi ích của đối tượng nghiên cứu luôn phải đặt trên lợi ích của khoa học và của xã hội;
5. Quyền của đối tượng nghiên cứu được bảo đảm về sự toàn vẹn luôn luôn phải được đặt lên hàng đầu. Tất cả các điều dự phòng phải được tiến hành để bảo đảm sự bí mật riêng tư của đối tượng và hạn chế tác động của NC lên sự toàn vẹn về thể chất và tâm thần của đối tượng NC và lên nhân phẩm của đối tượng;
6. Sự chính xác của các kết quả nghiên cứu phải được bảo vệ;
7. Bất cứ một nghiên cứu nào tiến hành trên con người, mỗi một đối tượng dự kiến tham gia nghiên cứu phải được biết thông tin đầy đủ về mục tiêu, các phương pháp, các lợi ích có thể và các tác hại có thể gây ra cho họ trong nghiên cứu, cũng như những phiền muộn có thể gây ra;
8. Khi đạt được sự chấp thuận tham gia trong nghiên cứu sau khi có được thông tin của đối tượng tham gia nghiên cứu, bác sĩ phải đặc biệt thận trọng nếu đối tượng trong tình trạng phụ thuộc vào bác sĩ. Không được gây áp lực hoặc đe dọa bắt buộc đối tượng tham gia nghiên cứu;
9. Trong trường hợp đối tượng thiếu hành vi năng lực, việc thông tin phải đạt được từ người có trách nhiệm pháp lý phù hợp theo luật pháp của quốc gia;
10. Các đối tượng tham gia nghiên cứu được rút khỏi nghiên cứu bất cứ lúc nào.

2. Thoả thuận tham gia nghiên cứu

2.1. Khái niệm chung

Thoả thuận tham gia nghiên cứu là sự thoả thuận của những cá nhân đồng ý tham gia vào một nghiên cứu y sinh học nào đó sau khi đã được cung cấp đầy đủ các thông tin chủ yếu liên quan đến nghiên cứu và sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng rồi tự nguyện quyết định tham gia vào nghiên cứu.

Thoả thuận tham gia nghiên cứu là một yêu cầu bắt buộc đối với các nghiên cứu y sinh khi xem xét các thiết kế nghiên cứu.

Thoả thuận tham gia nghiên cứu là một quá trình thông tin hai chiều giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu trong suốt quá trình nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu có quyền rút lui khỏi nghiên cứu ở bất kỳ thời điểm nào và không bị mất quyền lợi khi rút khỏi nghiên cứu.

2.2. Nội dung chính của thoả thuận tham gia nghiên cứu

Nội dung chính của bản thoả thuận tham gia nghiên cứu bao gồm:

- Giới thiệu khái quát về nghiên cứu
- Mục đích nghiên cứu
- Thời gian tham gia của đối tượng nghiên cứu
- Mô tả quy trình nghiên cứu, nhấn mạnh những nội dung của quy trình có liên quan đến đối tượng nghiên cứu
- Dự đoán các nguy cơ và tình trạng không thoải mái có thể xảy ra cho đối tượng nghiên cứu
- Những lợi ích có được từ nghiên cứu cho đối tượng hoặc cho cộng đồng, lợi ích trực tiếp, lợi ích gián tiếp.
- Các tình huống có thể lựa chọn tham gia (nếu có).
- Những cam kết của nhà nghiên cứu đối với đối tượng nghiên cứu về việc đảm bảo giữ bí mật riêng tư và các thông tin liên quan đến đối tượng, về việc đền bù cho những tổn thương (nếu có) trong khi tham gia nghiên cứu

Ngôn ngữ trong bản thoả thuận phải là ngôn ngữ phổ thông dễ hiểu

Hình thức thoả thuận tham gia nghiên cứu là ký vào một bản thoả thuận tham gia nghiên cứu sau khi đã đọc kỹ các nội dung, trong đó ghi đầy đủ các thông tin đã nêu ở trên.

2.3. Một số nguyên tắc của sự thoả thuận tham gia nghiên cứu

- Tham gia tự nguyện

Đối tượng nghiên cứu được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến nghiên cứu, được giải thích và trả lời các câu hỏi, các vấn đề mà đối tượng nghiên cứu còn chưa rõ. Sau đó, đối tượng nghiên cứu phải tự quyết định về việc có chấp nhận hay từ chối tham gia vào nghiên cứu.

- Được quyền dừng không tiếp tục tham gia

Đối tượng nghiên cứu được quyền dừng không tiếp tục tham gia vào nghiên cứu, rút khỏi nghiên cứu ở bất cứ thời điểm nào của NC mà không bị đối xử ngược đãi, không công bằng hoặc bị phạt khi từ chối tham gia NC.

- Liên hệ thường xuyên giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

Nhà nghiên cứu cần tạo sự liên hệ thường xuyên hoặc định kỳ đối với đối tượng NC để tạo dựng mối liên hệ thông tin hai chiều, trả lời các vướng mắc của đối tượng trong quá trình nghiên cứu, thông báo cho đối tượng về các quyền lợi cũng như những kết quả NC liên quan đến đối tượng nếu thấy cần thiết và được phép.

3. Đánh giá lợi ích và nguy cơ

3.1. Khái niệm về lợi ích và nguy cơ

- Lợi ích

Lợi ích trong đạo đức nghiên cứu được coi là một giá trị tích cực mang lại cho đối tượng NC hoặc cho xã hội. Lợi ích này có thể là những lợi ích trực tiếp và cụ thể, nhưng cũng có thể là các lợi ích gián tiếp và không rõ ràng;

- Nguy cơ

Nguy cơ hay còn gọi là rủi ro trong các nghiên cứu được coi là một thiệt hại nào đó cho đối tượng nghiên cứu. Nguy cơ có thể lường giá được nhưng đôi khi cũng không lường giá được. Nguy cơ hay rủi ro có thể gây thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp cho đối tượng nghiên cứu hoặc cho cộng đồng.

- Các loại lợi ích và nguy cơ

Các loại lợi ích và nguy cơ trong các nghiên cứu được đề cập ở đây bao gồm các lợi ích hoặc nguy cơ (tác hại) về mặt thể chất hoặc tinh thần, tâm lý, xã hội, kinh tế hoặc pháp luật.

Những nguy cơ hoặc lợi ích của nghiên cứu có thể xảy ra với từng cá nhân, với gia đình, nhóm người, cũng có thể xảy ra với một tổ chức, một cộng đồng hay một quốc gia.

Như vậy, ở mọi nghiên cứu y sinh học liên quan đến con người bao giờ cũng tồn tại hai vấn đề là lợi ích của nghiên cứu và các nguy cơ (rủi ro hay thiệt hại) của nghiên cứu.

Nguyên tắc đạo đức NC đòi hỏi nhà NC phải tối đa hoá các lợi ích và giảm thiểu tới mức thấp nhất các tác hại của NC. Hội đồng đạo đức nghiên cứu sẽ là người xem xét và đánh giá vấn đề này.

3.2. Đánh giá lợi ích và nguy cơ

Đánh giá lợi ích và nguy cơ là một nguyên tắc đạo đức nghiên cứu rất cơ bản, chi phối các nguyên tắc đạo đức khác. Khi đề cập đến vấn đề đánh giá lợi ích và nguy cơ tức là đã đề cập đến ba chuẩn mực đạo đức cơ bản đó là tôn trọng con người, làm việc thiện và không gây tổn hại, đảm bảo sự công bằng.

**** Nguyên tắc chung của đánh giá lợi ích và nguy cơ***

- Nguyên tắc đầu tiên và rất quan trọng, nó chi phối các nguyên tắc khác khi đánh giá lợi ích và nguy cơ đó là nguyên tắc "Tôn trọng con người"

Nguyên tắc này đảm bảo tôn trọng quyền con người. Dựa vào nguyên tắc

này thì một nghiên cứu dù đã đưa lại lợi ích tối đa cho con người, cho đối tượng nghiên cứu và giảm thiểu tới mức tối thiểu các nguy cơ, nhưng nếu không đề cập đến sự tự nguyện của đối tượng nghiên cứu, nghiên cứu đó sẽ vi phạm nguyên tắc “Tôn trọng con người”.

Trong phiên toà xét xử các bác sĩ Đức trong chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) đã tiến hành những thử nghiệm ở trại tập trung của Đức quốc xã, một số người đã cố gắng biện hộ cho những hành động của các bác sĩ là nếu thí nghiệm thành công (như tìm ra vacxin phòng sốt rét) thì nhiều người trên trái đất sẽ được hưởng lợi ích của nghiên cứu.

Tuy nhiên toà án đã bác bỏ sự biện hộ này vì các thử nghiệm đã vi phạm quyền con người một cách trầm trọng và phi nhân tính.

- Nguyên tắc “làm việc thiện và không gây tổn hại” là tối đa hoá các lợi ích và giảm thiểu tới mức tối thiểu, các nguy cơ hoặc không gây hại cho đối tượng nghiên cứu. Nếu một NC đồng thời với việc đưa lại lợi ích rất lớn cho đối tượng hoặc cho cộng đồng nhưng cũng có thể có nguy cơ đối với sức khoẻ của đối tượng hoặc của cộng đồng thì NC đó cũng không được phép tiến hành.

Trong 1 NC nếu có 1 nguy cơ tồn tại thì nguy cơ đó phải kiểm soát được, không chế được và đó phải là nguy cơ ít gây hại nhất.

Nguyên tắc này đòi hỏi người nghiên cứu phải đánh giá cân nhắc so sánh giữa lợi ích và nguy cơ, có thể nói chúng ta đặt lợi ích và nguy cơ lên bàn cân, không phải chỉ là thăng bằng giữa lợi ích và nguy cơ mà phải thấy được lợi ích bao giờ cũng phải vượt trội hơn so với nguy cơ

- Nguyên tắc phân phối công bằng lợi ích và nguy cơ cho đối tượng NC

Khi đánh giá lợi ích và nguy cơ, người đánh giá cần phải xem xét kỹ các lợi ích và nguy cơ của NC có được phân phối công bằng cho đối tượng NC không.

Nguyên tắc này đặc biệt quan trọng trong các thiết kế nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuốc có sử dụng nhóm chứng, có sử dụng phương pháp dùng giả dược và những nghiên cứu trên nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

Thử nghiệm Tuskegee ở Mỹ vào những năm 1932 trên những đối tượng là người da đen bị mắc bệnh lậu (một bệnh lây nhiễm qua đường tình dục), những đối tượng này đã nhận một phác đồ điều trị mà người bác sĩ biết chắc chắn là không có hiệu quả.

Thử nghiệm Tuskegee đã được thế giới biết đến như là một ví dụ điển hình về sự vi phạm tất cả các nguyên tắc là “Tôn trọng con người, cái thiện và sự công bằng”

Ngày nay tuy không tồn tại những thử nghiệm tương tự như thử nghiệm Tuskegee, nhưng những thử nghiệm lâm sàng thuốc sử dụng nhóm đối chứng, sử dụng các giả dược lại là những nghiên cứu rất thường gặp do nhu cầu của thực tiễn và do sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật.

*** Xác định và đánh giá lợi ích và nguy cơ**

Người nghiên cứu cần phải nhận thức được rằng nguy cơ bao gồm nguy cơ liên quan với việc tham gia nghiên cứu, nguy cơ của việc chọn ngẫu nhiên (đặc biệt khi được chọn vào nhóm đối chứng placebo), nguy cơ lộ bí mật thông tin về kết quả nghiên cứu, nguy cơ về các tai biến xảy ra trong quá trình nghiên cứu.

Nguy cơ tối thiểu là nguy cơ, tác hại mà NC mang lại không lớn hơn những nguy cơ thường gặp trong cuộc sống hàng ngày hay trong các quy trình chăm sóc điều trị thường ngày

Nguy cơ:

- Các nguy cơ về thể chất: Mặc dù hầu hết các nguy cơ này dễ dàng được nhận ra nhưng cũng có một số tác dụng phụ khi tham gia nghiên cứu (do các thủ thuật y học, thuốc điều trị,..) có thể khó nhận thấy.

- Các nguy cơ về tâm lý: Một số nghiên cứu gây ra những thay đổi không mong muốn về suy nghĩ và tình cảm bao gồm các đợt trầm cảm, bối rối, tạo ảo giác, cảm giác căng thẳng về tâm lý, cảm giác tội lỗi và mất tự chủ bản thân.

- Nguy cơ về xã hội và kinh tế:

- + Một số nghiên cứu có thể tạo ra những thông tin nhạy cảm, có thể gây ra tổn thương đối tượng nghiên cứu do làm lộ bí mật các thông tin trong nghiên cứu. Điều này sẽ dẫn đến rối loạn về công việc của một người hay của một nhóm người, mất việc làm hay bị kết tội vào tù.

Người nghiên cứu cần phải giữ bí mật tuyệt đối các thông tin về nghiện rượu, nghiện thuốc lá, nghiện ma túy, các bệnh tâm thần, hành vi tình dục và các hoạt động bất hợp pháp khác.

- + Ngoài ra, nghiên cứu cũng có thể gây ra các nguy cơ về kinh tế đối với người tham gia nghiên cứu. Cơ quan bảo hiểm y tế có thể không trả tiền cho điều trị trong nghiên cứu, người tham gia nghiên cứu có thể phải tự trả tiền đi lại, hay có thể bị trừ lương do mất thời gian tham gia vào nghiên cứu.

Lợi ích:

- Lợi ích trực tiếp cho bệnh nhân trong việc khám, chẩn đoán và điều trị bệnh cho người tham gia nghiên cứu. Trong những trường hợp này nghiên cứu có thể làm giảm nhẹ bệnh hay cung cấp thông tin đầy đủ hơn về hiểu biết bệnh.

- Lợi ích gián tiếp cho cộng đồng: Kết quả của nghiên cứu có thể được khái quát hoá để ứng dụng cho cộng đồng và xã hội trong việc nâng cao kiến thức của cộng đồng trong việc phòng bệnh.

Người nghiên cứu cần phải mô tả chỉ tiết rõ ràng các ích lợi này trong bản thoả thuận đồng ý tham gia NC và không được phép thổi phồng những ích lợi này.

4. Bí mật riêng tư trong đạo đức nghiên cứu

- Riêng tư trong đạo đức nghiên cứu là những thông tin, những vấn đề của mỗi cá nhân đối tượng tham gia nghiên cứu.

Những thông tin, những vấn đề của cá nhân đối tượng tham gia nghiên cứu có thể là lịch sử của bản thân, của gia đình và của những người thân trong gia đình họ hàng do đối tượng cung cấp, có thể là tình hình sức khỏe, bệnh tật, những đặc điểm sinh học của cá nhân đối tượng nghiên cứu, cũng có thể là những tâm tư, tình cảm trong mối quan hệ của cá nhân đối tượng, nó có thể là quan hệ vợ chồng, quan hệ gia đình, quan hệ xã hội v.v..

- Bí mật trong đạo đức nghiên cứu là giữ kín không để lộ các thông tin cá nhân, những vấn đề riêng tư của cá nhân ra ngoài.

Nhà nghiên cứu cần phải có những biện pháp để giữ bí mật riêng tư như mã hoá các thông tin cá nhân, quy định cụ thể những người có trách nhiệm được tiếp cận với các thông tin của nghiên cứu và được chia sẻ các thông tin của NC.

Việc công bố các kết quả nếu có liên quan đến các thông tin cá nhân phải được phép của đối tượng tham gia nghiên cứu.

Đối với loại hình nghiên cứu điều tra có sử dụng các phiếu điều tra vô danh cũng là một loại hình đảm bảo giữ bí mật các thông tin cá nhân. Tuy nhiên không phải cuộc điều tra nào cũng có thể sử dụng loại phiếu điều tra này.

- Đảm bảo quyền riêng tư, giữ bí mật riêng tư của đối tượng tham gia NC chính là đảm bảo thực hiện nguyên tắc đạo đức “Tôn trọng con người”.

5. Nghiên cứu có sự tham gia của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương

5.1. Khái niệm chung

Những người dễ bị tổn thương trong đạo đức nghiên cứu là những người không có khả năng (có thể hoàn toàn không có khả năng hoặc không có khả năng từng phần) bảo vệ quyền lợi của chính họ.

Nhóm đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm:

Đối tượng trẻ em;

Người bị bệnh nặng hoặc những bệnh nhân tâm thần;

Người bị hạn chế về nguồn lực như người nghèo, người dân tộc ít người;

Nhóm người đang bị các hình phạt của pháp luật, như những tù nhân, những người tiêm chích, nghiện hút ma túy, mại dâm;

Nhóm đối tượng kém năng lực nhận thức để lựa chọn như mù chữ;

Nhóm người dễ bị xã hội xa lánh như người bị nhiễm HIV/AIDS, người tình dục đồng giới, người bị bệnh lây truyền qua đường tình dục, người có quan hệ tình dục bừa bãi;

Nhóm đối tượng là phụ nữ và phụ nữ mang thai;

Theo Kenneth Kipnes những yếu tố làm cho một người trở nên dễ bị tổn

thương trong nghiên cứu có thể do các yếu tố sau:

- Năng lực nhận thức bị hạn chế ảnh hưởng đến việc cân nhắc, lựa chọn:

Có thể họ không đủ thông tin hoặc không đủ hiểu biết về những vấn đề khoa học, xã hội, pháp luật liên quan đến nghiên cứu. Cũng có thể năng lực nhận thức của họ thuộc nhóm nhận thức kém, mù chữ, hoặc thiếu năng trí tuệ, hoặc năng lực nhận thức chưa phát triển đầy đủ.

- Những yếu tố về pháp luật

Những người vi phạm pháp luật đang bị ngồi tù hoặc đang trong thời gian cải tạo, nhóm người vi phạm các vấn đề cấm của pháp luật như các tệ nạn xã hội, nghiện hút, mại dâm, ma túy ..v.v...

- Những vấn đề thuộc về đạo đức chung của địa phương, xã hội, truyền thống v.v...

Trong vấn đề này bao gồm những nhóm người đồng tính luyến ái, quan hệ tình dục bừa bãi, những người bị bệnh lây truyền qua đường tình dục v.v...

- Yếu tố bệnh tật

Những bệnh trầm trọng như hôn mê, liệt, bệnh tâm thần, các bệnh hiểm nghèo, bệnh di truyền, đều làm cho đối tượng trở thành nhóm người dễ bị tổn thương trong nghiên cứu.

- Yếu tố về nguồn lực

Những người nghèo, người bị phụ thuộc về kinh tế, hoặc xã hội, nhóm người này cũng trở nên dễ bị tổn thương trong NC, do nhà NC có ý tưởng lợi dụng họ hoặc sai khiến, xúi giục họ tham gia NC, họ ít có quyền được lựa chọn.

5.2. Một số nguyên tắc chung khi nghiên cứu có sự tham gia có nhóm đối tượng dễ bị tổn thương

- Có sự cân nhắc kỹ lưỡng và xét duyệt đặc biệt của Hội đồng đạo đức khi nghiên cứu có sự tham gia của những người dễ bị tổn thương.

+ Nghiên cứu chỉ tiến hành trên nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khi nghiên cứu đó thực sự rất cần thiết phục vụ cho sự hiểu biết về khoa học, Về chăm sóc y tế cho cộng đồng, về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh cho chính bản thân nhóm đối tượng này mà không thể thay thế được bằng nhóm đối tượng khác.

+ Cân nhắc kỹ lưỡng giữa nguy cơ và lợi ích và phải đảm bảo lợi ích là vượt trội, các nguy cơ có thể kiểm soát và khống chế được, đặc biệt là xem xét đến cả các nguy cơ và lợi ích gián tiếp, không lường hoá được.

- Phải có bản thoả thuận tham gia nghiên cứu của người đại diện hợp pháp được pháp luật thừa nhận đối với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương không tự quyết định hoặc hạn chế trong việc tự quyết định lựa chọn tham gia nghiên cứu. Trong một số nghiên cứu nếu không cần phải có bản thoả thuận tham gia nghiên cứu thì phải được Hội đồng đạo đức xem xét và chấp thuận cho phép

- Cần có giải pháp để đảm bảo lợi ích và sự an toàn cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương tham gia nghiên cứu.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

Câu 1. Trình bày khái niệm đạo đức trong nghiên cứu y sinh học? nêu các nguyên tắc của đạo đức trong nghiên cứu y sinh học?

Câu 2. Trình bày một số nguyên tắc chung khi nghiên cứu có sự tham gia có nhóm đối tượng dễ bị tổn thương?

Câu 3. Trình bày các bí mật riêng tư trong đạo đức nghiên cứu?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. **Bộ Y tế (2013)**, Hướng dẫn quốc gia về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.
- [2]. **Bộ Y tế (2021)**, Thông tư 08 ban hành về Nguyên tắc đạo đức hành nghề được.